

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAK ĐOA  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DSST  
Ngày 22/9/2020  
*Về tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đào Minh Chính**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Do**.

2. Ông **Lưu Thông**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Lê Hiền Bằng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Bưởi** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-DS ngày 20/7/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-DS ngày 03/9/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.**

Địa chỉ: 38 H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông **Trần Văn C**, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh G. Địa chỉ: 112 L, phường H, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*(Theo Quyết định số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Ngân hàng TMCP Đ về việc ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự).*

Người được ủy quyền lại: Ông **Trương Văn P**, Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Đ. Ông P có mặt.

*(Theo Quyết định số 1171/QĐ-BIDV.GL ngày 09/7/2020 của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh G).*

- Bị đơn: Anh **Phan Công H1**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã Tr huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Anh H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Phạm Thị T1**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020 và ý kiến tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ với anh Phan Công H1 có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD ngày 14/3/2018, theo đó Ngân hàng TMCP Đ cho anh H1 vay số tiền 150.000.000 đồng; áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần vào ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Lãi suất cho vay ban đầu là 11,9%/năm (áp dụng ngày vay đến 31/3/2018), lãi suất điều chỉnh các kỳ sau bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng do BIDV Gia Lai thông báo tại thời điểm điều chỉnh (+) phí 5,2%/năm, nhưng lãi suất điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Trường hợp Ngân hàng áp dụng chính sách giảm lãi suất thấp hơn so với các mức quy định trên, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng mà không cần ký phụ lục hợp đồng. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc là 150% lãi suất cho vay; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời gian vay là 60 tháng, từ ngày 14/3/2018 đến ngày 14/3/2023; ngày nhận nợ 14/3/2018, ngày trả hết nợ 14/3/2023.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, anh H1 và chị T1 thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 650m<sup>2</sup>; thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 33, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 971662; địa chỉ thửa đất hiện nay tại thôn Tân Lập, xã Trang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đak Đoa cấp ngày 10/4/2012, chỉnh lý thay đổi ngày 26/01/2015 cho anh H1 và chị T1.

Trong quá trình vay vốn anh H1 và chị T1 đã trả được 5.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 21/11/2018 còn nợ 145.000.000 đồng; tiền lãi không trả đúng hạn, nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/3/2019 là vi phạm các khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng. Đến nay anh H1 và chị T1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1 và chị T1 phải trả 145.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi. Trong trường hợp anh H1 và chị T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018 để thu hồi nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/8/2020 và trong biên bản công khai chứng cứ ngày 31/8/2020, bị đơn anh Phan Công H1 trình bày: Anh và chị T1 là vợ chồng, trước đây vợ chồng anh có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền

150.000.000 đồng và có thể chấp quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng. Quá trình vay vốn cũng có trả được một phần tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh chưa trả cho Ngân hàng được. Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện thì anh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trong trường hợp vợ chồng anh không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T1 trình bày:* Chị là vợ của anh Phan Công H1. Trước đây vợ chồng chị có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi vay vốn, vợ chồng chị có trả gốc và lãi nhưng trả được bao nhiêu thì chị không nhớ rõ. Vì cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau nên chị đã dẫn con về quê sinh sống từ tháng 6/2018 cho đến nay. Khi vay vốn tại Ngân hàng, vợ chồng chị có thế chấp nhà và đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018. Hiện nay tài sản thế chấp do chồng chị là anh H1 quản lý, sử dụng. Trường hợp Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nhà và đất mà vợ chồng chị vay vốn thì chị đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phan Công H1 và chị Phạm Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi phát sinh như thỏa thuận của hợp đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh H1 và chị T1 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn anh Phan Công H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T1 đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H1 và chị T1 theo thủ tục chung.

Ngân hàng TMCP Đ ủy quyền cho Chi nhánh G khởi kiện anh Phan Công H1 và xác định chị Phạm Thị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để yêu cầu anh H1 và chị T1 trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD ngày 14/3/2018 và yêu cầu Tòa án xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018 để thu hồi nợ. Do vậy, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 14/3/2018, Ngân hàng TMCP Đ với anh Phan Công H1 ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD với nội dung anh H1 vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng để mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 14/3/2018 đến 14/3/2023. Mặc dù trong Hợp đồng tín dụng chị Phạm Thị T1 là người không trực tiếp ký, tuy nhiên tại giấy đề nghị vay vốn ngày 14/3/2018 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/3/2018, cũng như tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018 giữa anh H1 và chị T1 ký cam kết sử dụng vốn vay là tài sản chung của anh H1 và chị T1 trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, việc chỉ một mình anh H1 đứng ra ký kết Hợp đồng tín dụng với bên cho vay nhưng giữa anh H1 và chị T1 là vợ chồng, vốn vay này sử dụng vào mục đích gia đình nên cả hai phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với khoản vay này theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét các bên ký hợp đồng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật dân sự và các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ. Trong quá trình vay vốn, anh H1 và chị T1 đã trả được số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng vào ngày 21/11/2018 và tiền lãi là 12.774.939 đồng từ ngày 26/3/2018 đến ngày 28/11/2018. Từ tháng 12/2018 đến nay, anh H1 và chị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng như thỏa thuận của hợp đồng tín dụng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nên Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 25/3/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H1 và chị T1 cũng thừa nhận việc anh chị vay vốn của Ngân hàng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chị chưa trả được nợ, anh chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh H1 và chị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 145.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, đồng thời đề nghị xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh H1 và chị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ để thu hồi nợ là có căn cứ.

Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2020, anh Hùng và chị Thúy còn nợ nguyên đơn 35.417.499 đồng tiền lãi (trong đó lãi trong hạn là 31.923.040 đồng; lãi quá hạn 3.494.459 đồng) như đã trình bày là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

Như vậy cần buộc anh H1 và chị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ 145.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2020) là 35.417.499 đồng.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay vốn tại Ngân hàng, để đảm bảo cho khoản vay trên, anh H1 và chị T1 đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số BH 971662 do

Ủy ban nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/4/2012 đã chính lý sang tên anh Phan Công H1 và chị Phạm Thị T1 ngày 26/01/2015; thửa đất số 68, tờ bản đồ số 33 diện tích 650m<sup>2</sup> tại thôn Tân Lập, xã Trang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với anh H1 và chị T1 được Văn phòng công chứng Đak Đoa công chứng ngày 13/3/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh Đak Đoa ngày 13/3/2018 theo quy định. Nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp đúng theo quy định tại các Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 317; Điều 318; Điều 319 của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Do đó trong trường hợp anh H1 và chị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018 để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh H1 và chị T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ là 180.417.499 đồng x 5% = 9.020.874 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 119, 317, 318, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc anh Phan Công H1 và chị Phạm Thị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ thông qua Chi nhánh G số tiền 180.417.499 đồng (Một trăm tám mươi triệu bốn trăm mười bảy nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng); tiền lãi tạm tính đến ngày 22/9/2020 là 35.417.499 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười bảy nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (**22/9/2020**) anh Phan Công H1 và chị Phạm Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh Phan Công H1 và chị Phạm Thị T1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/9290893/HĐTC ngày 13/3/2018 được Văn phòng Công chứng Đak Đoa công chứng ngày 13/3/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh Đak Đoa ngày 13/3/2018 để thu hồi nợ.

### 3. Về án phí:

- Buộc anh Phan Công H1 và chị Phạm Thị T1 phải liên đới chịu 9.020.874 đồng (Chín triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh H1 và chị T1 chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ thông qua Chi nhánh G 4.347.546 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009440 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Đào Minh Chính**